

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ - UBND ngày tháng năm 2025
của UBND xã Phước Nghĩa)

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025 UBND huyện giao	Kế hoạch năm 2025 HĐND xã giao	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá	Ghi chú
I	KINH TẾ					
1	Thu, chi ngân sách	Triệu đồng			TC-KT	
1,1	Thu ngân sách		13,389	13.935		
-	Các khoản thu phát sinh trên địa bàn		6.389			
-	Thu bổ sung mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất		7.000			
1.2	Chi ngân sách	Triệu đồng	12,926	13.935		
-	Chi đầu tư phát triển		7.000			
-	Chi thường xuyên		5.808			
-	Dự phòng chi		118			
2	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng		60	VP-TK	
3	Trồng trọt				Khuyến nông phối hợp HTX NN	
3.1	Lúa					
	Diện tích gieo trồng	Ha	500	520		
	Sản lượng thu hoạch	Tấn	3664	3.810		
3.2	Một số cây hàng năm khác					
3.2.1	Ngô					
-	Diện tích gieo trồng	Ha	10	10		
-	Sản lượng thu hoạch	Tấn	62	62		
3.2.2	Lạc					
-	Diện tích gieo trồng	Ha	5	5		
-	Sản lượng thu hoạch	Tấn	15	15		
3.2.3	Rau các loại					
-	Diện tích gieo trồng	Ha	40	40		
-	Sản lượng thu hoạch	Tấn	710	710		
3.2.4	Đậu các loại	Ha	4	4		
-	Diện tích gieo trồng	Tấn	5	5		
-	Sản lượng thu hoạch	Tấn	710	710		
4	Chăn nuôi	Con			Thú y	
4.1	Bò	con	370	370		
4.2	Lợn	con	1.040	1.040		
4.3	Gia cầm	con	938.480	938.480		
4.4	Trâu	con	12	70		
4.5	Dê	con		60		
5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	13,64	13,64	ĐC-XD	
II	CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI					
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	%	97,55	97,55	VH-XH	Tăng mới so với năm 2024 là 28 người (4.805/4.926)
2	Duy trì xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế			Duy trì	Trạm y tế	
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	6,91	6,91	Trạm y tế	
4	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	%	0,14	0,14	VH-XH	Tương đương thoát 02 cận nghèo

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025 UBND huyện giao	Kế hoạch năm 2025 HĐND xã giao	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá	Ghi chú
5	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	người	195	195	VH-XH	Tăng thêm so với năm 2024 là 20 người
5.1	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	443		VH-XH	Phát triển tăng thêm so với năm 2024 là 35 người
6	Tạo việc làm mới	người	90	90	VH-XH	
7	Đào tạo nghề lao động nông thôn	người	18	18	VH-XH	Phấn đấu mở 01 lớp đào tạo nghề 30 người
8	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch	%	95,06	95,06	ĐC-XD	Duy trì số người tham gia đầu nối nước sạch là 1.327/1.396
9	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	100,68	100,68	ĐC-XD	Duy trì số người tham gia là 1.330/1.321
10	Phòng chống lấn chiếm đất đai	Số vụ tối đa	7	7	ĐC-XD	
11	Giải phóng mặt bằng	dự án	3	3	ĐC-XD	
12	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia phân loại và xử lý rác thải tại nguồn	%	98,33%	98,33	ĐC-XD	Phát triển tăng thêm so với năm 2024 là 329 người
13	Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới	%	70	70	ĐC-XD	
14	Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	%	85	85	VP-TK	
15	Số lượng nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng được hỗ trợ				VH-XH	
-	Hộ nghèo, cận nghèo	Nhà	1	1		Sửa chữa 01 nhà thuộc diện hộ cận nghèo
16	Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội	Duy trì		Duy trì	CA XÃ	
17	Trường TH đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, Trường MN đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1	Duy trì		Duy trì	Hiệu trưởng 2 trường	
18	Duy trì xã NTM nâng cao	Duy trì		Duy trì	CB xây dựng	
19	Phấn đấu xã đạt các tiêu chí Đô thị loại V	Tiêu chí		Đạt	CB xây dựng	
20	Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ	%		100	BCHQS xã	

- * Chỉ tiêu về kinh tế: 05
* Chỉ tiêu về xã hội: 20
* Huyện giao: 20 chỉ tiêu
* HĐND xã giao: 25 chỉ tiêu